

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST

Ngày: 09-5-2018

V/v tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự.
2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 301/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Kim P, sinh năm: 1973; Ông Phạm Phú Q, sinh năm: 1970; cùng địa chỉ cư trú: Nhà số 40, tổ 02, ấp T, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Quốc A, sinh năm: 1975; địa chỉ cư trú: Nhà số 103, tổ 1, ấp Tân, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-8-2017 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Phú Q và bà Lê Kim P trình bày:

Ông Phạm Quốc A là em ruột của ông, ngày 10-12-2015 có viết giấy vay tiền của vợ chồng ông, bà số tiền 863.000.000 (tám trăm sáu mươi ba triệu) đồng hẹn đến ngày 10-5-2016 sẽ hoàn trả đủ số tiền, nhưng đã quá hạn trả, vợ

chồng ông, bà yêu cầu ông Quốc A thực hiện đúng lời hứa như đã cam kết nhưng ông Quốc A cố tình né tránh nhiều lần không trả nợ.

Số tiền trên vay cụ thể như sau:

+ Ngày 07-3-2008 vay số tiền 100.000.000 đồng để trồng mì hẹn đến ngày 07-3-2010 trả nhưng không trả.

+ Ngày 09-8-2011 vay số tiền 150.000.000 đồng, đồng thời chuyển nhượng cho ông bà 0,3 ha đất với số tiền 150.000.000 đồng, hẹn để bán mì trả nợ Ngân hàng rồi sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông, bà nhưng không thực hiện được và tiền cũng không trả nợ hai khoản là 300.000.000 đồng;

+ Ngày 10-11-2013 vay tiếp số tiền 63.000.000 đồng, hẹn đến tháng 10 năm 2015 hoàn trả;

+ Ngày 10-12-2015 vay tiếp số tiền 400.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng; ghi chung lại mượn tổng số tiền là 863.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10-5-2016 thu hoạch mì trả lại đủ số tiền, nhưng từ ngày vay tiền đến nay không trả nợ cho ông, bà.

Tại phiên tòa ông Q, bà P rút một phần yêu cầu khởi kiện 50.000.000 đồng, yêu cầu ông Phạm Quốc A trả 813.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Quốc A trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông Q là anh ruột, bà P là chị dâu, nguyên vào ngày 07-3-2008, ông có cần vốn trồng mì bờ Hồ Dầu Tiếng ông có vay của bà P, ông Q số tiền 100.000.000 đồng; đến ngày 09-8-2011 ông xây nhà thiếu tiền nên có vay của vợ chồng ông Q thêm 150.000.000 đồng và sang nhượng 0,3 ha đất ruộng giá 150.000.000 đồng ông có hẹn với vợ chồng ông Q để trả nợ Ngân hàng ông lấy (giấy chứng nhận QSDĐ) ra sang tên cho ông Q và bà P; Đến ngày 10-11-2013 ông có vay thêm 63.000.000 đồng; đến ngày 10-12-2015 ông trả nợ Ngân hàng nên vay thêm của vợ chồng ông Q 400.000.000 đồng và có làm giấy tổng kết nợ 863.000.000 đồng, các giấy vay tiền không ghi vay có lãi.

Ông và Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992, chung sống với nhau năm 2011, không có đăng ký kết hôn, bà L đi hợp tác lao động ở nước ngoài từ tháng 4 năm 2017, bà L biết việc ông vay tiền của ông Q, bà P nhưng đây là nợ riêng của ông, có những khoản nợ ông vay trước khi chung sống, nên ông không yêu cầu bà L có trách nhiệm trả nợ.

Đối với việc ông chuyển nhượng cho ông Q, bà P 0,3 ha đất với số tiền 150.000.000 đồng vào năm 2011 nhưng chưa làm thủ tục tách quyền sử dụng đất do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp cho người khác để vay 480.000.000 đồng, do đó nay ông đồng ý trả lại tiền sang nhượng đất cho vợ chồng bà P 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Quốc A trình bày trong số nợ 863.000.000 đồng là có 50.000.000 đồng tiền lãi ông xin vợ chồng bà P bớt và không tính lãi tiếp theo, ông đồng ý trả nợ 813.000.000 đồng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Phú Q và bà Lê Kim P yêu cầu bị đơn ông Phạm Quốc A trả nợ tiền vay 813.000.000 đồng;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P và ông Phạm Phú Q đối với ông Phạm Quốc A về số tiền 50.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà P và ông Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện đề ngày 28-8-2017 bà Lê Kim P, ông Phạm Phú Q yêu cầu ông Phạm Quốc A trả số tiền cho vay gốc là 863.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự quy định thì thời hiệu để người khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng là 03 năm, Biên nhận mượn tiền đề ngày 10-12-2015 ông Quốc A hẹn trả nợ vào cho bà P ông Q vào ngày 10-5-2016, đến ngày 28-8-2017 bà P, ông Q khởi kiện là còn thời hiệu.

[3] Xét thấy các đương sự thống nhất: Mối quan hệ giữa ông Q với ông Quốc A là anh em ruột; bà P với ông Quốc A là chị dâu em chồng. Ngày 10-12-2015 vợ chồng bà P và ông Quốc A gặp nhau, ông Quốc A vay thêm 400.000.000 đồng và ông Quốc A viết giấy nợ số tiền là 863.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên xác định vay 04 lần và có 04 giấy vay tiền viết tay, sau khi vay tiền thì chưa trả nợ. Tại phiên tòa ông Q bà P rút một phần yêu cầu 50.000.000 đồng yêu cầu ông Quốc A trả nợ 813.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét chứng cứ do đương sự giao nộp thể hiện: Giấy vay tiền ngày 10-12-2015 ghi số tiền vay là 863.000.000 đồng (BL số 50), hai bên thống nhất

giấy vay tiền này gồm 02 khoản số tiền vay cũ 03 lần là 463.000.000 đồng; khoản vay ngày 10-12-2015 là 400.000.000 đồng vay để trả nợ Ngân hàng.

[4.1] Về khoản vay 400.000.000 đồng đề ngày 10-12-2015, hai bên trình bày vay để trả nợ ngân hàng là không có thật, vì tại thời điểm ngày 10-12-2015 ông Quốc A không cung cấp được chứng cứ để chứng minh trả nợ Ngân hàng 400.000.000 đồng. Chứng cứ do ông Quốc A giao nộp (BL 36) thể hiện ngày 11-02-2015, bà Lâm Thị R trả tất toán tiền vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh D (NHNN và PTNT) số tiền gốc và lãi 105.072.000 đồng khi vay bà R có thể chấp quyền sử dụng đất.

Ngày 18-3-2015 bà R và ông Th tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Quốc A và ngày 31-3-2015 ông Quốc A được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến ngày 09-4-2015 ông Quốc A thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho NHNN và PTNT để bảo đảm cho số tiền vay 100.000.000 đồng đã vay ngày 17-2-2015 (bl 22); đến ngày 11-4-2016 ông Quốc A trả nợ và xóa thế chấp khoản vay này; ngày 13-4-2016 ông Quốc A thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 31-3-2016 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Chi nhánh Tây Ninh vay 420.000.000 đồng, hạn trả ngày 13-4-2017; đến ngày 09-6-2017 ông Quốc A xóa thế chấp tài sản này, số tiền trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Chi nhánh Tây Ninh được ông Quốc A vay của ông Nguyễn Duy N 500.000.000 đồng giao dịch thỏa thuận bằng 02 hợp đồng giả tạo là “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” (bl từ 70-81).

Mặt khác lời trình bày của ông Q và bà P là mâu thuẫn: Ông Q cho rằng từ ngày vay đến nay ông Quốc A chưa trả lại tiền lần nào, lần cho vay 400.000.000 đồng để sửa nhà và trồng mì, khi cho vay tính lãi là 0,7% tháng và đã trả lãi được 01 năm. Còn bà P vợ ông Q lại trình bày lần cho vay 400.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, khi cho vay thì không tính lãi suất, sau khi vay đã trả nợ 400.000.000 đồng, nhưng ngày sau đó lại đến vay lại ngay 400.000.000 đồng (bl từ 54-57).

[4.2] Về 03 khoản vay thể hiện trên 03 tờ giấy mượn tiền:

Số tiền vay 100.000.000 đồng đề ngày 07-3-2008 (bút lục số 53), trong “Biên nhận mượn tiền” ông Phạm Quốc A ghi ngày cấp giấy chứng minh nhân dân (CMND) là ngày 28-10-2008, thời điểm này ông Quốc A đang sử dụng giấy CMND được cấp ngày 27-8-1990 đến ngày 28-10-2009 ông Quốc A mới đổi lại giấy CMND (bút lục số 59, 60). Như vậy có căn cứ xác định giấy biên nhận mượn tiền này là nhận nợ giả tạo nên không được chấp nhận là có căn cứ.

Giấy mượn tiền đề ngày 10-11-2013 vay số tiền là 63.000.000 đồng (BL 52), trong giấy mượn tiền ghi ngày cấp CMND là ngày 28-10-2008, nhưng tại thời điểm này ông Phạm Quốc A đang sử dụng giấy CMND cấp ngày 28-10-2009 (bút lục số 59). Như vậy, có căn cứ xác định giấy mượn tiền này lập ra để nhận nợ giả tạo và lập ra cùng thời điểm với “Biên nhận mượn tiền đề ngày 07-3-2008”.

Giấy mượn tiền đề ngày 09-8-2011 (bút lục 51) thể hiện một khoản vay 150.000.000 đồng và một khoản chuyển nhượng quyền sử dụng đất 0,3 ha số

tiền 150.000.000 đồng, hẹn bán mì trả nợ ngân hàng rồi chuyển quyền sử dụng đất cho ông Q, bà P;

Ông Quốc A cho rằng khi ông xây nhà thiếu tiền nên vay thêm và chuyển nhượng đất cho ông Q (bl 40);

Ông Q trình bày không thống nhất và mâu thuẫn với các chứng cứ, ông Q cho rằng cho ông Quốc A vay 04 lần, lần vay 400.000.000 đồng để sửa nhà, trồng mì, lần cho vay 200.000.000 đồng trả ngân hàng, lần 150.000.000 đồng và lần vay lẻ không nhớ số tiền. Các giấy vay nợ do ông Q giao nộp không có lần nào vay 200.000.000 đồng (Bút lục 56,57).

Về giấy mượn tiền đề ngày 09-8-2011, hai bên không thỏa thuận đến việc trả nợ của lần vay trước đề ngày 07-3-2008 hoặc cộng vào số tiền vay lần sau.

Giấy mượn tiền đề ngày 10-11-2013 không thỏa thuận về việc phải trả các khoản vay của hai lần trước.

Giấy vay tiền đề ngày 10-12-2015 ghi 863.000.000 đồng, hai bên thống nhất tổng số tiền nợ 03 lần trước là 430.000.000 đồng và vay thêm 400.000.000 đồng, nhưng việc không thu hồi, tiêu hủy các giấy vay tiền của các lần trước là trái với lẽ thông thường.

Về sang nhượng QSDĐ đến ngày 18-3-2015, bà R và ông Th mới tặng cho ông Quốc A quyền sử dụng đất, đến ngày 31-3-2015 ông Quốc A được cấp hai giấy chứng nhận QSDĐ nên thời gian ngày 09-8-2011 thì ông Quốc A không có quyền sử dụng đất nào khác để chuyển nhượng cho ông Q. (thời điểm ngày 09-8-2011 quyền sử dụng đất nêu trên đang được bà R và ông Th thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm tiền vay tại Ngân hàng).

[5] Về chứng cứ do Tòa án thu thập do Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D cung cấp thể hiện: Ngày 13-11-2017, Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D ban hành quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của ông Quốc A gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để thi hành án: Tổng số tiền mà ông Phạm Quốc A, bà R, ông Th phải thi hành theo các quyết định của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D là 944.975.000 đồng. Các khoản nợ này đều vay trước ngày ông Q, bà P khởi kiện ông Quốc A tại Tòa án (bl từ 62-68 và từ 106-109).

[6] Như vậy có căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Do ông Phạm Quốc A, ông Th, bà R (cha mẹ ruột ông Quốc A và ông Q) phải thi hành án trả nợ theo các quyết định của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D với tổng số tiền là 944.975.000 đồng (chưa tính lãi chậm trả). Ông Q, bà P, ông Phạm Quốc A đã lập ra các giấy mượn tiền giả tạo để nhận nợ, với mục đích nhằm tẩu tán tài sản đã được cưỡng chế kê biên xử lý tài sản thi hành án để trả nợ cho các đương sự. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Q, bà P yêu cầu ông Quốc A trả nợ 813.000.000 đồng là có căn cứ.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hợp đồng vay tài; Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P và ông Phạm Phú Q đối với ông Phạm Quốc A yêu cầu trả số tiền là 813.000.000 (tám trăm mười ba triệu) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P và ông Phạm Phú Q đối với ông Phạm Quốc A về số tiền 50.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Kim P và ông Phạm Phú Q phải chịu 36.390.000 đồng, được khấu trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí 18.945.000 đồng theo biên lai thu số 0015722 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D, ông Q và bà P còn phải nộp tiếp 17.445.000 đồng.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS H.D;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Văn Khanh

***Nơi nhận:* TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh TN; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

VŨ VĂN KHANH